

**Công ty Cổ phần Damsan**  
**Damsan Joint Stock Company**

CV số/ No.: 29072026/TCKH

V/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế

TNDN công ty mẹ Quý II/2026/ Re:

Explanation of the fluctuations in after-tax  
profit of the parent company in Q2/2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**Independence - Freedom – Happiness**

Hung Yên, ngày 29 tháng 07 năm 2026

Hung Yen, July 29<sup>th</sup> 2026

**Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước**  
**- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh**  
**Dear: - The State Securities Commission**  
**- Ho Chi Minh City Stock Exchange**

Thực hiện Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần DAMSAN giải trình kết quả kinh doanh Quý II/2026 công ty mẹ có số lợi nhuận sau thuế giảm 11,4% so với cùng kỳ Quý II/2025 cụ thể như sau:

Pursuant to Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 on guidance on information disclosure on the stock market, DAMSAN Joint Stock Company explains the Q2/2026 business results, stating that the parent company's after-tax profit decreased by 11.4% compared to the same period in Q2/2025, specifically as follows:

Đơn vị tính: Triệu VND/ Unit: Million VND

| STT<br>No | Chỉ tiêu/ Target                                                                                               | Quý II/2026<br>Quarter<br>II/2026 | Quý II/2025<br>Quarter<br>II/2025 | Tăng giảm<br>(%)<br>Increase or<br>decrease<br>(%) |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------|
| 1.        | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ<br>Revenues from sales and services rendered                            | 741.730,72                        | 500.009,84                        | +48,3%                                             |
| 2.        | Các khoản giảm trừ doanh thu<br>Revenue deductions                                                             | -                                 | -                                 | -                                                  |
| 3.        | <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b><br><b>Net revenues from sales and services rendered</b> | <b>741.730,72</b>                 | <b>500.009,84</b>                 | <b>+48,3%</b>                                      |
| 4.        | Giá vốn hàng bán<br>Cost of goods sold                                                                         | 687.449,60                        | 479.636,50                        | +43,3%                                             |
| 5.        | <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b><br><b>Gross profit from sales and service rendered</b>    | <b>54.281,12</b>                  | <b>20.373,33</b>                  | <b>+166,4%</b>                                     |
| 6.        | Doanh thu hoạt động tài chính<br>Financial activities income                                                   | 6.235,30                          | 30.235,62                         | -79,4%                                             |

|     |                                                                                                    |                  |                  |                  |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|------------------|
| 7.  | Chi phí tài chính<br>Financial activities expenses                                                 | 13.257,61        | 13.874,00        | -4,4%            |
| 8.  | Phân Lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết<br>Profit and loss in joint ventures and associates | -                | -                | -                |
| 9.  | Chi phí bán hàng<br>Selling expenses                                                               | 4.569,61         | 2.788,43         | +63,9%           |
| 10. | Chi phí quản lý doanh nghiệp<br>General administration expenses                                    | 8.534,75         | 6.709,90         | +27,2%           |
| 11. | <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh<br/>Net profits from operating activities</b>           | <b>34.154,44</b> | <b>27.236,62</b> | <b>25,4%</b>     |
| 12. | Thu nhập khác<br>Other income                                                                      | -2.969,37        | -                |                  |
| 13. | Chi phí khác<br>Other expenses                                                                     | 1.307,53         | 107,34           | +1.118,1%        |
| 14. | <b>Lợi nhuận khác(40=31-32)<br/>Other profit</b>                                                   | <b>-4.276,90</b> | <b>-107,34</b>   | <b>-3.884,4%</b> |
| 15. | <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế<br/>Total net profit before tax</b>                           | <b>29.877,54</b> | <b>27.129,28</b> | <b>+10,1%</b>    |
| 16. | Chi phí thuế TNDN hiện hành<br>Current corporate income tax expense                                | 5.874,12         | 47,61            | +12.237,8%       |
| 17. | Chi phí thuế TNDN hoãn lại<br>Deferred corporate income tax expenses                               |                  |                  |                  |
| 18. | <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp<br/>Profits after enterprise income tax</b>            | <b>24.003,41</b> | <b>27.081,66</b> | <b>-11,4%</b>    |

Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ Quý II/2026 giảm 11,4% so với cùng kỳ Quý II/2025.  
Nguyên nhân: / *The parent company's after-tax profit in Q2/2026 decreased by 11,4% compared to the same period in Q2/2025. Reason:*

- Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 48,3% do giá bán sợi thành phẩm tăng 16% so với cùng kỳ và trong Quý II/2026 công ty có thực hiện kinh doanh vật liệu xây dựng. / *Revenue from sales and services increased by 48.3% due to a 16% year-on-year increase in the selling price of finished yarn, and the company also engaged in the construction materials business in Q2/2026.*

- Giá vốn hàng bán tăng 43,3% so với cùng kỳ. / *Cost of goods sold increased by 43.3% compared to the same period last year.*

- Lợi nhuận gộp tăng 166,4 % so với cùng kỳ. / *Gross profit increased by 166.4% compared to the same period last year.*

- Chi phí tài chính giảm 4,4%. / *Financial costs decreased by 4.4%.*

- Chi phí bán hàng tăng 63,9%. / *Selling expenses increased by 63.9%.*

- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 27,2%. / *Business management costs increased by 27.2%.*

- Chi phí thuế TNDN hiện hành tăng 12.237,8%./ *Current corporate income tax expense increased by 12.237,8%.*

Các nguyên nhân trên làm cho lợi nhuận sau thuế TNDN công ty mẹ giảm 11,4% so với cùng kỳ năm trước./ *The above factors led to a 11.4% decrease in the parent company's after-tax profit compared to the same period last year.*

Trân trọng,  
*Best regards,*

**Nơi nhận:/ Recipient:**

- Như đề gửi;/ *As submitted;*
- Lưu/ *Archived*

**CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN  
DAMSAN JOINT STOCK COMPANY**



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Lê Xuân Chiến*

